TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-PT
Ngày: 22/7/2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán : Bà Huỳnh Thị Bích vân

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

-***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLPT- DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: Quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019 /DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Bà Ông Thị K, sinh năm 1931

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Chết ngày 09/01/2020 theo trích lục khai tử số 31/TLKT-BS ngày 13/02/2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành Đ

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, P, ông Đ: Bà Nguyễn Thị T.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 5 năm 2020).

2. Bị đơn: Ông Phan Thế T

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Kiều O

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Thanh T- Văn phòng Luật sư V - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn Q (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm:

Nguyễn Thị T, Phan Thị Ngọc S, Phan Thị Ngọc D, Phan Uy B, Phan Huy H

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện C, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông B: Bà Phan Thị Kiều O.

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ông Phan Hữu H

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Phan Quế P

Địa chỉ cư trú: ấp , thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Phan Hùng D

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Phan Thị Kiều P

Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà P: Bà Phan Thị Kiều O.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 và 27 tháng 3 năm 2019).

Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Phan Thế T, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ gia đình bà Ông Thị K là chủ sử dụng thửa đất 731, tờ bản đồ số 06, diện tích 3.800m^2 (loại đất CLN) tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Đ, phường T, quận T, TP. Cần Thơ, theo giấy CNQSD đất số 000190 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 26/02/1999. Liền kề với đất bà K là đất ông

Phan Thế T thuộc thửa 732, tờ bản đồ số 06, do cụ Phan Văn T (cha bị đơn đứng giấy).

Năm 2009 cán bộ địa chính đo đạc lại đất để xác định ranh giới với ông T. Hai bên đã thống nhất ranh và cắm trụ đá làm ranh đất. Quá trình sử dụng đất ông T nhổ trụ đá và lấn chiếm đất nên nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả lại 113,1m^2 tại vị trí A theo trích đo (trong đó có đường giao thông 33,8m^2) nên diện tích thực tế còn lại là 79,3m^2.

Bị đơn ông Phan Thế T trình bày:

Đất tranh chấp hiện do ông quản lý sử dụng thuộc phần đất do ông Phan Văn T (chết) đứng tên sử dụng thửa 732, tờ bản đồ số 06, giấy CNQSD ruộng đất số 000202 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 06/3/1999, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực Đ, phường T, quận T, TP. Cần Thơ).

Do đất của nguyên đơn và ông liền kề, trước đây có trụ đá xác định ranh giới, qua thời gian sử dụng hiện không còn trụ ranh. Ông không có lấn chiếm đất của nguyên đơn nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả lại diện tích lấn ranh 276,6m^2 tại vị trí (B) theo trích đo địa chính (trong đó có diện tích đường giao thông 72,8m^2) nên diện tích thực tế yêu cầu là 203,8m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành Đ trình bày:

Đất tranh chấp là do ông bà để lại hiện bà Ông Thị K (mẹ) đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Quá trình sử dụng ông T tự ý nhổ trụ đá lấn ranh đất nên các đương sự thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Phan Quế P, ông Phan Hùng D trình bày:

Đất tranh chấp do bị đơn quản lý sử dụng thuộc phần đất do ông Phan Văn T (chết) đứng tên quyền sử dụng tại thửa 732, tờ bản đồ số 06, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 000202 do UBND huyện Thốt cấp ngày 06/3/1999. Quá trình sử dụng bị đơn không lấn chiếm đất của nguyên đơn nên đương sự thống nhất ý kiến phản bác không đồng ý yêu cầu đòi đất của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H bà P, Thủy, ông B trình bày:

Đất tranh chấp do bị đơn quản lý sử dụng thuộc phần đất do ông Phan Văn T (chết) đứng tên quyền sử dụng tại thửa 732, tờ bản đồ số 06, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 000202 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 06/3/1999. Nguồn gốc đất do ông Phan Văn T nhận chuyển nhượng của ông Lữ Minh T từ năm 1954 với giá 900 đồng. Bị đơn không lấn chiếm nên ông, bà thống nhất ý kiến phản bác không đồng ý yêu cầu đòi đất của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ông Thị K (có chị Nguyễn Thị T đại diện) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới giữa bất động sản liền kề) đối với bị đơn Phan Thế T- đất tọa lạc tại khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ổn định phần đất diện tích 79,3m^2 tại vị trí (A) theo trích đo địa chính cho ông Phan Thế T được toàn quyền sử dụng.

Ông Phan Thế T có nghĩa vụ thối hoàn trả giá trị đất cho bà Ông Thị K số tiền 43.615.000 đồng.

Ông Phan Thế T được quyền sở hữu cây trồng trên tại vị trí (A) là: 01 cây dừa loại A.

Ông Phan Thế T có nghĩa vụ thối hoàn giá trị cây trồng cho bà Ông Thị K số tiền 300.000 đồng.

Nguyên đơn bà Ông Thị K và bị đơn ông Phan Thế T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh diện tích sử dụng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất theo thực trạng.

Đối với công trình, vật kiến trúc trên đất, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

(Gửi kèm trích đo địa chính số 91/TTKTTNMT ngày 26/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ và biên bản thẩm định).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Thế T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (Ranh giới giữa bất động sản liền kề) đối với nguyên đơn bà Ông Thị K- đất tọa lạc tại khu vực Đ, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/01/2020, bị đơn ông Phan Thế T kháng cáo đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

Ngày 13/01/2020, bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ kháng cáo yêu cầu buộc ông Phan Thế T tháo dỡ vật kiến trúc gắn liền với đất để trả lại 79,3m^2 và không đồng ý giao cây dừa và cây sung cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua đo đạc thực tế đất của nguyên đơn thiếu và đất của bị đơn sử dụng là thừa so với giấy được cấp nên không có căn cứ chấp nhận

phản tố công nhận phần diện tích 203,8m^2 cho bị đơn, ngược lại có căn cứ công nhận phần đất 79,3m^2 cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, phía bị đơn có đổ cát san lắp mương nhưng nguyên đơn cũng không có ý kiến gì, cũng như hiện tại bị đơn đã xây nhà tiền chế nằm trên một phần diện tích tranh chấp nên cần ổn định phần đất tranh chấp cho bị đơn và bị đơn hoàn trả giá trị cho nguyên đơn như cấp sơ thẩm đã tuyên xử là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Ông Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Thế T phải giao trả lại diện tích lấn chiếm 79,3m^2 tại vị trí (A), ông T phản tố yêu cầu bà K phải giao trả diện tích 203,8m^2 tại vị trí (B) theo Bản trích đo địa chính số 91/TTKTTNMT ngày 22/7/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ đúng pháp luật.

Sau khi bản án sơ thẩm xét xử ngày 30/12/2019, đến ngày 09/01/2020 bà Ông Thị K chết. Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự thì người thừa kế tham gia tố tụng. Căn cứ tờ khai hộ tịch ngày 10/6/2020, do UBND phường Tân Lộc xác nhận thì những người thừa kế của bà K gồm: Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thành Đ. Do đó các đương sự trên sẽ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Xét về thủ tục:

Ông Phan Văn T (cha ông T) là người đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 000202 cấp ngày 06/3/1999. Năm 2004 ông T chết, năm 2007 vợ ông bà Nguyễn Thị Thu H chết. Ông T bà Hà có 06 người con gồm: Ông Phan Thế T, Phan Hữu H, Phan Quế P, Phan Hùng D, Phan Thị Kiều P và ông Phan Văn Q (ông Q chết có 04 người con gồm: Phan Thị Ngọc S, Phan Thị Ngọc D, Phan Uy B, Phan Uy H). Do ông T còn đứng tên quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định các con của ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, riêng ông T là người đang trực tiếp quản lý đất có cất nhà tiền chế lấn một phần qua đất của bà K nên bà K khởi kiện, do đó xác định tư cách ông T là bị đơn trong trường hợp này là đúng.

[3] Về nội dung:

Bà Ông Thị K đại diện hộ đứng tên thửa đất 731, tờ bản đồ số 06, diện tích 3.800m^2 (loại đất CLN) tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Đ, phường T, quận T, TP. Cần Thơ, theo giấy CNQSD đất số 000190 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 26/02/1999.

Ông Lê Văn T đại diện hộ đứng tên thửa đất 732, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.410m^2. Thửa đất 731 của bà K liền kề với thửa đất 732 của ông T thửa đất 732 hiện nay do ông T đang quản lý sử dụng.

Bà K cho rằng ông T đã lấn chiếm qua thửa 731 của bà 79,3m^2 nên yêu cầu ông T phải giao trả, yêu cầu của bà K là có cơ sở với các căn cứ sau:

- Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000190 cấp ngày 26/02/1999 cho bà K thể hiện tại thửa 731 có diện tích 3.800m^2, khi đo đạc thực tế theo bản trích đo địa chính số 91/TTKTTNMT ngày 26/9/2019 (gọi tắt bản trích đo số 91) thì có diện tích 3.313,7m^2 như vậy đất của bà K còn thiếu 486,3m^2.

- Theo sơ đồ đo vẽ hình đa giác lồi (phần lồi hiện hai bên đang tranh chấp) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K phù hợp, khớp với bản trích đo địa chính số 91.

- Bà K đã xây hàng rào bằng gạch lững, trụ bê tông cốt thép, lưới B40 để làm ranh vào năm 2008, ông T thừa nhận và không phản đối (bút lục 76, 177).

- Ông T thừa nhận ông có chứng kiến năm 2009 cơ quan địa chính quận có xuống đo đạc cắm ranh (bút lục 182).

Chính các căn cứ trên nên bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với hiện trạng vào năm 1999.

[4] Ông T cho rằng phần đất tại vị trí (A) 79,3m^2 và tại vị trí (B) 203,8m^2 là thuộc quyền của ông là hoàn toàn không có cơ sở với các căn cứ sau:

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000202 cấp ngày 06/3/1999 cho ông T thể hiện tại thửa 732 có diện tích 2.410m^2, khi đo đạc thực tế theo bản trích đo địa chính số 91/TTKTTNMT ngày 26/9/2019 thì có diện tích 2.486m^2, như vậy chưa tính diện tích 79,3m^2 mà ông đang lấn chiếm thì ông T đã sử dụng dư 76,1m^2, nếu tính cả diện tích ông lấn chiếm thì dư 155,4m^2.

- Theo sơ đồ đo vẽ hình đa giác lõm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T phù hợp, khớp với bản trích đo địa chính số 91.

- Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần tranh chấp vị trí (A) và (B) là thuộc quyền sử dụng của ông T.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T là có căn cứ. Tuy nhiên giao cho ông T 79,3m^2 là không đúng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền được sử dụng đất hợp pháp của bà K với những căn cứ sau:

- Đất bà K đã được cấp giấy CNQSD đất hợp pháp từ năm 1999, bà đã xây dựng hàng rào kiên cố làm ranh từ năm 2008 ông T vẫn biết nhưng không phản đối.

- Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lần 1 ngày 20/3/2019 (bút lục 74) thể hiện ông T chưa cất nhà tiền chế, ông thừa nhận sau khi đo đạc xong thì ông cất nhà tiền chế (biên bản đối chất ngày 21/5/2019 bút lục 178). Việc đất đang tranh chấp, đang giải quyết nhưng ông cố ý cất nhà lấn sang phần đất tranh chấp nên ông phải tự chịu trách nhiệm và thiệt hại nếu có.

- Theo bản trích đo địa chính số 91 thể hiện mái che tạm của ông T lấn sang phần đất vị trí (A) là 14,7m^2 nhưng án sơ thẩm lại giao hết phần đất 79,3m^2 là không đúng ảnh hưởng đến quyền lợi, quyền sử dụng đất của bà K.

Từ các căn cứ trên nghĩ nên buộc ông T phải tháo dỡ phần mái che tạm 14,7m^2 sang phần đất tại thửa 731 để giao trả đất cho bà K.

Đối cây dừa trên thửa đất 731 là thuộc quyền sở hữu của bà K nên không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm ông T nêu ra ông có sang lấp phần đất tranh chấp là 30.000.000 đồng, xét thấy việc tự ý lấn chiếm đất rồi tự bơm cát là lỗi của ông. Tuy nhiên trong hồ sơ ông không yêu cầu và chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh số lượng khối cát đã mua? giá mua là bao nhiêu? thời gian mua?..Ngoài ra án sơ thẩm cũng chưa thu thập và đưa ra vấn đề này để giải quyết. Do đó ông vẫn có quyền khởi kiện bà K để đòi lại số tiền bơm cát bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu kết luận diện tích đất thực tế và diện tích được công nhận trên giấy CNQSD đất của bị đơn là thừa, diện tích đất đang tranh chấp thuộc giấy CNQSD đất của nguyên đơn, phản tố của bị đơn là không có cơ sở, đối với 79,3m^2 bị đơn có san lấp nguyên đơn không có ý kiến đề nghị y án sơ thẩm. Với đề nghị trên là không phù hợp bởi vì chính bị đơn là người tự ý lấn chiếm, nguyên đơn đã phản đối từ đó mới dẫn đến tranh chấp, đã có đủ chứng cứ được phân tích ở trên để chứng minh 79,3m^2 là quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, do đó cần thiết phải buộc bị đơn giao trả lại đất cho nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ.

Chấp nhận yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo của bị đơn

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Thị K (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ).

Buộc ông Phan Thế T phải tháo dỡ 14.7m^2 một phần nhà tiền chế (mái che tạm) trên một phần thửa đất 731 tại vị trí (A) để giao trả lại cho bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ tổng diện tích đất 79,3m^2 (Đã trừ 33,8m^2 đường giao thông) tại thửa 731, vị trí (A).

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thế T đòi bà Ông Thị K (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ) phải giao trả 203,8m^2 tại thửa 731, vị trí (B).

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 91/TTKTTNMT ngày 26/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ).

Chí phí thẩm định, định giá: bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ và ông Phan Thế T mỗi bên phải chịu 8.000.000 đồng, các bên đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thế T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 004745 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 004503 ngày 16/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thế T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 011947 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt; ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thành Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 011956 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS. Q.Thốt Nốt;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng